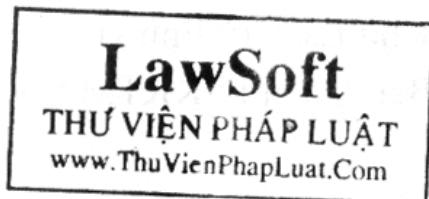


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 254/2006/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới
với các nước có chung biên giới****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua, bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ các Hiệp định song phương trong các lĩnh vực kinh tế - thương mại được ký kết giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước có chung biên giới;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới (sau đây gọi tắt là thương mại biên giới) quy định tại Quyết định này gồm:

1. Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới;
2. Buôn bán tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu;
3. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới theo các phương thức không theo thông lệ buôn bán quốc tế đã được thỏa thuận trong các Hiệp định thương mại song phương giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước có chung biên giới.

Điều 2. Hàng hóa thương mại biên giới

Hàng hóa trao đổi, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu theo hình thức thương mại biên giới được thực hiện theo những quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

Điều 3. Chất lượng hàng hóa thương mại biên giới

1. Chất lượng hàng hóa thương mại biên giới phải phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý chất lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
2. Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục phải kiểm tra chất lượng và kiểm dịch theo quy định hiện hành thì phải được kiểm tra về chất lượng trước khi thông quan; không được nhập khẩu qua những cửa khẩu không có các điểm kiểm dịch động thực vật, kiểm dịch y tế, kiểm tra chất lượng hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Ủy quyền Bộ trưởng Bộ Thương mại, sau khi trao đổi với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, xem xét, có biện pháp điều hành cụ thể việc kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu những mặt hàng không đảm bảo các yêu cầu vệ sinh, an toàn thực phẩm và sức khỏe người tiêu dùng.

Điều 4. Thanh toán trong thương mại biên giới

1. Hàng hóa thương mại biên giới được thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc bằng đồng Việt Nam và đồng tiền của nước có chung biên giới.
2. Phương thức thanh toán: do các bên mua, bán thỏa thuận phù hợp các quy

định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên cơ sở Hiệp định về thanh toán được ký kết giữa Việt Nam và các nước có chung biên giới; khuyến khích các chủ thể kinh doanh thanh toán qua ngân hàng.

Điều 5. Chính sách thuế

1. Hàng hóa thương mại biên giới phải được nộp thuế và các lệ phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và được hưởng các ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng hóa qua biên giới theo các thỏa thuận song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước có chung biên giới.

2. Riêng hàng hóa do cư dân nước có chung biên giới sản xuất nhập khẩu vào nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi của cư dân biên giới được miễn thuế nhập khẩu nếu giá trị hàng hóa đó không quá 2.000.000đồng/1 người/1 ngày.

3. Các chính sách thuế liên quan khác thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Điều này.

Chương II

MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA CỦA CƯ DÂN BIÊN GIỚI

Điều 6. Chủ thể được mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới

Công dân là cư dân biên giới, có hộ khẩu thường trú tại các khu vực tiếp giáp biên giới với các nước có chung biên giới được mua bán, trao đổi các mặt hàng phù hợp với quy định về hàng hóa thương mại biên giới được quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 7. Cửa khẩu, địa điểm mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới

1. Cửa khẩu được Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước có chung biên giới thỏa thuận mở.

2. Cửa khẩu và các điểm thông quan khác thuộc các Khu kinh tế cửa khẩu do Chính phủ Việt Nam cho phép thành lập.

3. Cửa khẩu do các tỉnh tiếp giáp biên giới của Việt Nam và tỉnh tiếp giáp biên giới của nước có chung biên giới thỏa thuận mở và được Bộ Thương mại cho phép tiến hành làm thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

4. Đường mòn được chính quyền địa phương cấp tỉnh vùng biên giới hai nước hiệp thương xác định theo pháp luật hiện hành và quy định có liên quan của Chính phủ hai nước.

Chương III

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUA BIÊN GIỚI

Điều 8. Chủ thể được xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới

1. Thương nhân Việt Nam.

2. Hộ kinh doanh thuộc các tỉnh tiếp giáp biên giới được thành lập đăng ký theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

Điều 9. Cửa khẩu xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới

1. Cửa khẩu quốc tế được mở cho người, phương tiện, hàng hóa của Việt Nam, nước có chung biên giới và nước thứ ba xuất nhập qua biên giới quốc gia.

2. Cửa khẩu chính được mở cho người, phương tiện, hàng hóa của Việt Nam và nước có chung biên giới xuất, nhập qua biên giới quốc gia.

3. Cửa khẩu và các điểm thông quan khác thuộc Khu kinh tế cửa khẩu do Chính phủ Việt Nam cho phép thành lập.

4. Cửa khẩu phụ được mở cho người, phương tiện, hàng hóa của Việt Nam và nước có chung biên giới ở khu vực biên giới, vùng biên giới qua lại biên giới quốc gia.

Chương IV

MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI CHỢ BIÊN GIỚI, CHỢ CỬA KHẨU VÀ CHỢ TRONG KHU KINH TẾ CỬA KHẨU

Điều 10. Chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu

1. Chợ biên giới là chợ được lập ra trong khu vực biên giới trên đất liền thuộc lãnh thổ Việt Nam nhưng không thuộc các chợ nói tại khoản 2 và khoản 3 dưới đây.

2. Chợ cửa khẩu là chợ được lập ra trong khu vực biên giới trên đất liền thuộc lãnh thổ Việt Nam gắn với các cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa nhưng không thuộc Khu kinh tế cửa khẩu.

3. Chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu là chợ được lập ra trong Khu kinh tế cửa khẩu theo Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu biên giới.

Điều 11. Chủ thể kinh doanh tại chợ

1. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh Việt Nam có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp, được phép tổ chức kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu.

2. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh của nước có chung biên giới tuân thủ các quy định tại Nghị định số 34/2000/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2000 về Quy chế biên giới trên đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc đi lại, cư trú và kinh doanh trong khu vực biên giới:

a) Được phép tổ chức kinh doanh tại chợ cửa khẩu và chợ biên giới khi được Sở Thương mại tỉnh biên giới cấp giấy phép kinh doanh;

b) Được phép tổ chức kinh doanh tại chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu khi được Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu cấp giấy phép kinh doanh.

3. Công dân của nước có chung biên giới khi được phép kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu và có giấy phép kinh doanh tại các chợ nói trên còn trong thời hạn hiệu lực nếu có nhu cầu tạm trú ở Việt Nam sẽ được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xem xét cấp chứng nhận tạm trú hoặc thẻ tạm trú theo hướng dẫn của Bộ Công an.

Điều 12. Quản lý chợ

1. Việc quyết định thành lập (hoặc giải thể) và quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý chợ đối với chợ biên giới, chợ cửa khẩu thực hiện theo phân cấp đối với từng loại chợ quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

2. Chợ trong khu kinh tế cửa khẩu do Trưởng Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu

quyết định thành lập (hoặc giải thể) và quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý chợ theo quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

3. Các nội dung khác liên quan đến chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu không nêu trong Quyết định này thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

4. Các quy định về chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu trong Quyết định này nếu có sự khác biệt so với các thỏa thuận song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước có chung biên giới thì thực hiện theo các thỏa thuận song phương đã được ký kết giữa hai Chính phủ.

Chương V

XUẤT NHẬP CẢNH NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN

Điều 13. Người và phương tiện của Việt Nam

1. Phương tiện vận tải hàng hóa được phép đi qua các cửa khẩu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 9 Quyết định này để sang nước có chung biên giới giao, nhận hàng hóa theo quy định của nước đó.

2. Chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải hàng hóa được phép đi qua các cửa khẩu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 9 Quyết định này để sang nước có chung biên giới giao, nhận hàng hóa bằng hộ chiếu, sổ thuyền viên, chứng minh thư biên giới hoặc giấy thông hành biên giới do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Điều 14. Người và phương tiện của nước có chung biên giới

1. Phương tiện vận tải hàng hóa được phép đi qua các cửa khẩu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 9 Quyết định này để vào các điểm giao, nhận hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam quy định tại khu vực biên giới.

2. Chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, người điều khiển phương tiện và nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải hàng hóa được theo phương tiện vận

tải hàng hóa đi qua các cửa khẩu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 9 Quyết định này để vào các điểm giao, nhận hàng hóa bằng hộ chiếu, sổ thuyền viên, chứng minh thư biên giới hoặc giấy thông hành biên giới do cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng cấp.

3. Trường hợp phương tiện vận tải hàng hóa và các đối tượng quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này có nhu cầu vào các địa điểm khác ngoài khu vực biên giới và Khu kinh tế cửa khẩu để giao, nhận hàng hóa thì phải thực hiện theo các quy định của Hiệp định, Nghị định thư và các văn bản thỏa thuận khác đã ký kết giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước có chung biên giới về xuất nhập cảnh và vận tải đường bộ.

4. Phương tiện và người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa của chủ thể kinh doanh của nước có chung biên giới khi ra vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu để vận chuyển hàng hóa được miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu; khi có nhu cầu đi ra khỏi phạm vi chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu để vào sâu nội địa Việt Nam thì phải thực hiện các thủ tục về xuất cảnh, nhập cảnh cho người và phương tiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Xử lý vi phạm

Vi phạm trong hoạt động thương mại biên giới sẽ bị xử lý căn cứ theo các quy định Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại của Chính phủ và các văn bản pháp quy có liên quan khác của luật pháp Việt Nam.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Thương mại

1. Bộ Thương mại chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới hướng dẫn, chỉ đạo việc quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới.

2. Ủy quyền Bộ trưởng Bộ Thương mại thành lập Ban Chỉ đạo hoạt động thương mại biên giới do Bộ Thương mại chủ trì, có đại diện của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới tham gia; xây dựng nội dung, Quy chế hoạt

động của Ban (kinh phí hoạt động do Bộ Thương mại và Ủy ban nhân dân các tỉnh tự thu xếp) và cơ chế phối hợp liên ngành về quản lý, điều hành hoạt động thương mại biên giới theo quy định tại Quyết định này và pháp luật hiện hành.

Bộ Thương mại và các cơ quan hữu quan chủ động, phối hợp xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện; báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới

Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới chịu trách nhiệm tổ chức quản lý điều hành mọi hoạt động thương mại biên giới trên khu vực biên giới thuộc địa phương mình quản lý; thực hiện nghiêm minh cơ chế phối hợp liên ngành về quản lý, điều hành hoạt động thương mại biên giới.

Điều 18. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thương mại và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới, triển khai công tác quản lý theo quy định tại Quyết định này, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động thương mại biên giới phát triển lành mạnh, ổn định và đúng các quy định hiện hành; thực hiện nghiêm minh cơ chế phối hợp liên ngành về quản lý, điều hành hoạt động thương mại biên giới.

Điều 19. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 252/2003/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý buôn bán hàng hóa qua biên giới với các nước có chung biên giới; các quy định trước đây về quản lý thương mại biên giới trái với những quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 20. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Chủ thể kinh doanh có hoạt động thương mại biên giới chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng